| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲNH PHỤ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2018
"V/v *tranh chấp Ly hôn giữa chị H, anh T*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đặng Ngọc Tân

2. Ông Trần Quang Đương

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Huệ-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2017/ TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Tr, xã N, huyện Q, tỉnh B.

*2. Bị đơn*: Anh Đoàn Kim T, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Thôn Tr, xã N, huyện Q, tỉnh B; hiện đang chấp hành án tại: Đội 29, phân trại số 4, Trại giam NK, Tổng cục VIII, Bộ Công an.

(*Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đoàn Kim T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh B vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do thời gian tìm hiểu ngắn, chưa hiểu hết về nhau và tính tình không hợp nhau. Tháng 4/2016 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở, anh T có tìm nhưng chị không quay về. Tháng 6/2016 anh T bị bắt và bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại trại giam NK, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu anh T mới đi chấp hành án chị có thăm nuôi anh và nói với anh về việc chị sẽ xin ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Chị H khai, vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái và tài sản.

Đối với bị đơn là anh Đoàn Kim T: Hiện tại anh T đang chấp hành án tại Trại giam NK, tổng cục VIII, Bộ Công an, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã thực hiện việc ủy thác điều tra thu thập chứng cứ. Kết quả, anh T đã viết bản tự khai với nội dung: Anh khai về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất với lời khai của chị H. Theo anh, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Trong thời gian anh chấp hành án, chị H có vào thăm nuôi và nói chuyện về việc xin ly hôn, anh đã nói với chị H đợi anh chấp hành án xong về vợ chồng sẽ giải quyết và đến nay anh vẫn mong chị H suy nghĩ lại chờ anh về để giải quyết.

Anh T khai vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có đơn từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh vì lý do anh đang chấp Hnh án, không thể có mặt để tham gia tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp Hnh pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Đoàn Kim T; chị H và anh T đều khai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không phải giải quyết; chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Kim T hiện đang bị tạm giam, có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Đoàn Kim T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q cấp đăng ký kết hôn số 09 ngày 04/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn vì lý do anh chị tìm hiểu trong thời gian ngắn, chưa hiểu kỹ về nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh T cũng xác nhận do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Xét thấy, thực tế thời gian anh chị chung sống với nhau chỉ có hơn một tháng nhưng cả hai anh chị đều thừa nhận do tính tình không hợp nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, trước khi anh T phạm tội phải đi chấphành án chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở, không sống chung cùng anh T nữa. Mặc dù anh T có ý kiến mong chị H suy nghĩ lại đợi anh chấp hành án xong về vợ chồng giải quyết, nhưng cũng không nêu nguyện vọng xin đoàn tụ, Tòa án đã thông báo nội dung tự khai của anh T, khuyên chị H suy nghĩ về ý kiến của anh T nhưng chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, điều đó cho thấy mục đích cuộc hôn nhân của anh chị không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung và chia tài sản: Chị H và anh T đều khai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Đoàn Kim T.

2.Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003513 ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đoàn Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

*Nơi nhận:*
- Các đương sự;
- VKSND H. Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Quỳnh Phụ;
- UBND xã N, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**Nguyễn Thị Hương Liên** *(đã ký)*